

Mẫu 08_CBT/SGDHN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29/9/2016 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK Hà Nội)

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 145/CBTT-VRG

V/v: Công bố thông tin

Hải Dương, ngày 15 tháng 06 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Quý cổ đông Công ty**

1. Tên tổ chức: Cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp cao su Việt Nam
2. Mã chứng khoán: **VRG**
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 12 Nguyễn An, phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
4. Điện thoại: (0220) 3838026 Fax: (0220) 3838024
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Ông Mai Thế Thư**, chức vụ: Kế toán trưởng.
6. Loại thông tin công bố: **Thông tin bất thường**
7. Nội dung của thông tin công bố: Bổ sung lần 1 Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty CP phát triển đô thị và KCN cao su Việt Nam.
8. Thông tin này sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn: **<http://vinaruco.com.vn>**
9. Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người được ủy quyền công bố thông tin



Mai Thế Thư



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Dương, ngày 30 tháng 6 năm 2021

**QUY CHẾ TỔ CHỨC HỌP TRỰC TUYẾN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KCN CAO SU VIỆT NAM**

DỰ THẢO

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức họp trực tuyến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (Sau đây gọi là “Đại hội”) vào ngày 30/06/2021 của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam (“VRG”).
2. Quy chế này quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, các bên tham dự Đại hội, điều kiện và thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 2. Cơ sở pháp lý

1. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
2. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
4. Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ ;
5. Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. **“Đại biểu”** là cổ đông và đại diện được ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam.
2. **“Đại hội đồng cổ đông trực tuyến”** là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức dưới hình thức họp trực tuyến.
3. **“Bỏ phiếu điện tử”** là việc cổ đông/người đại diện theo ủy quyền kết nối Internet và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử của mình thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử.

4. **“Hệ thống bỏ phiếu điện tử”** là hệ thống EzGSM mà Công ty cung cấp cho cổ đông/người đại diện theo ủy quyền để tham dự và thực hiện các quyền liên quan khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.
5. **“Yếu tố định danh”** là những thông tin cần thiết để xác định chính xác một đối tượng trong một hoàn cảnh.
6. **“Xác thực”** là để kiểm tra, xác minh các thông tin mà đối tượng cung cấp hoặc khai báo.
7. **“Sự kiện bất khả kháng”** là những sự kiện xảy ra ngoài ý chí của người triệu tập đại hội không thể lường trước và khắc phục được mặc dù đã áp dụng các biện pháp cần thiết, khả năng cho phép.

Điều 4. Cổ đông có quyền tham dự tham dự Đại hội

Là cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội.

Điều 5. Quy định về ủy quyền tham dự Đại hội

Trường hợp cổ đông không tham dự Đại hội có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự Đại hội. Việc ủy quyền phải tuân thủ các quy định về ủy quyền dự họp của Luật Doanh nghiệp năm 2020, các quy định pháp luật khác có liên quan, Điều lệ Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam và phải được lập thành văn bản theo mẫu của VRG.

Chương II

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG VÀ CÁC BÊN THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông

1. Quyền của cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

a. Được tham dự và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành; các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty;

b. Được Ban tổ chức Đại hội thông báo công khai nội dung Chương trình Đại hội;

2. Nghĩa vụ của cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội:

a. Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 theo hình thức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử. Việc đăng ký dự họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Quy chế này;

b. Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông và các bên tham dự Đại hội phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu; không sao chép, ghi âm, cung cấp thông tin cho người ngoài Đại hội khi chưa được Ban Chủ tọa cho phép;

c. Đại biểu và các bên tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định tại Quy chế này và tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Hội đồng Quản trị quyết định thành lập trước ngày khai mạc Đại hội để thực hiện các chức năng và nhiệm vụ như sau:

1. Kiểm tra tính hợp lệ và hợp pháp văn bản ủy quyền của cổ đông;
2. Kiểm tra tư cách Đại biểu dự họp;
3. Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp Đại hội.

Điều 8. Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu do Ban Chủ tọa đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:
 - Xác định chính xác kết quả biểu quyết/bầu cử tại Đại hội;
 - Lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Ban Chủ tọa, Đại hội khi thực hiện nhiệm vụ của mình;
 - Nhanh chóng thông báo kết quả kiểm phiếu cho Ban Thư ký;
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả kiểm phiếu.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Ban Chủ tọa và Ban Thư ký

1. Ban Chủ tọa do Đại hội biểu quyết thông qua, có nhiệm vụ điều khiển Đại hội;
2. Quyết định của Ban Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình họp Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao nhất;
3. Ban Chủ tọa tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự;
4. Ban Chủ tọa có quyền hoãn họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:
 - a. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
 - b. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.
 - Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.
5. Ban Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Ban Chủ tọa.

Chương III

TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 10. Điều kiện tiến hành Đại hội

Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Điều 11. Cách thức tiến hành Đại hội

1. Đại hội dự kiến sẽ diễn ra trong buổi sáng ngày 30/06/2021.
2. Hình thức đăng ký tham dự và bỏ phiếu điện tử tại Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được quy định cụ thể tại Phụ lục I: ***Hướng dẫn tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử*** ban hành kèm theo Quy chế này.
3. Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung trong chương trình Đại hội quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 của Quy chế này.

Điều 12. Trường hợp tổ chức họp Đại hội không thành

1. Trường hợp Đại hội lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 10 Quy chế này, thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Đại hội lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
2. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần hai không đủ điều kiện tiến hành Đại hội lần thứ 2 không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Chương IV

NGUYÊN TẮC, THỂ LỆ BIỂU QUYẾT

Điều 13. Nguyên tắc biểu quyết

Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến của tất cả Đại biểu dự họp. Mỗi vấn đề biểu quyết có số phiếu biểu quyết được tính bằng tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Đại biểu có mặt tại Đại hội.

Điều 14. Cách thức biểu quyết

Cổ đông biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến) các vấn đề trong chương trình Nghị sự tại Đại hội thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử.

Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử tuân thủ theo quy định tại Phụ lục I Quy chế này.

Điều 15. Thể lệ biểu quyết

1. Mỗi cổ phần phổ thông mà cổ đông sở hữu tương ứng với một phiếu biểu quyết. Tổng số phiếu biểu quyết của mỗi cổ đông/người đại diện theo ủy quyền tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông/người đại diện theo ủy quyền đó sở hữu.
2. Các vấn đề cần biểu quyết tại cuộc họp Đại hội được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận, trừ các vấn đề được quy định tại Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty.

Chương V

NGUYÊN TẮC, THỂ LỆ BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị bầu bổ sung

Số lượng thành viên được bầu bổ sung trong Đại hội này là 01 (một) thành viên.

Điều 17. Nguyên tắc bầu cử

1. Mỗi đại biểu/người đại diện theo ủy quyền có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu. Đại biểu thực hiện bầu số phiếu của mình cho các ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.
2. Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào thành viên Hội đồng Quản trị.

Điều 18. Phương thức bầu cử

1. Các ứng cử viên được ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.
2. Phương thức bầu cử:
 - Mỗi đại biểu/người đại diện theo ủy quyền có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu. Đại biểu thực hiện bầu số phiếu của mình cho các ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.
 - Nếu vòng bầu thứ nhất mà không đủ số lượng thành viên thì Đại hội đồng cổ đông sẽ tiếp tục bầu vòng thứ hai cho đến khi đủ số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định.

Điều 19. Nguyên tắc trúng cử

1. Số người trúng cử được xác định theo tỷ lệ phiếu bầu từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên được bầu theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và phải đạt tỷ lệ trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của đại biểu dự họp.
2. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt được tỷ lệ phiếu bầu bằng nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lần hai để chọn lấy một người trong số những ứng cử viên này. Nếu kết quả bầu lần hai vẫn bằng nhau, Ban Chủ tọa sẽ xin ý kiến Đại hội theo hướng như sau:
 - Nếu số lượng thành viên trúng cử đã đảm bảo số lượng tối thiểu theo quy định của pháp luật và Điều lệ VRG, Ban Chủ tọa xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông không bầu nữa và giảm số lượng người trúng cử 01 người trở lên so với số lượng dự kiến ban đầu.
 - Nếu số lượng người trúng cử chưa đảm bảo số lượng tối thiểu theo quy định, Ban Chủ tọa xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Chủ tọa lựa chọn người sẽ trúng cử.

Chương VI
BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 20. Biên bản họp, Nghị quyết của Đại hội

Nội dung Đại hội phải được lập thành Biên bản. Biên bản họp Đại hội được Chủ tọa đọc và thông qua trước khi bế mạc họp Đại hội. Biên bản phải có chữ ký của Chủ tọa và Trưởng Ban Thư ký. Biên bản họp Đại hội là cơ sở để ban hành các Nghị quyết của Đại hội.

Chương VII
HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 21. Hiệu lực thi hành

- 1.** Quy chế này gồm 7 Chương, 21 Điều, 01 Phụ lục và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội biểu quyết thông qua.
- 2.** Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông và các bên tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

T.M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT

Phạm Trung Thái

PHỤ LỤC I: HƯỚNG DẪN THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN VÀ BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ

(Ban hành kèm theo Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam)

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Hướng dẫn này quy định về việc tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử của Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty.

Điều 2. Điều kiện, cách thức tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

1. Điều kiện tham dự:

- Đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 4 Quy chế này;
- Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có thiết bị điện tử có kết nối được mạng Internet bao gồm: máy tính, điện thoại di động, các thiết bị điện tử khác có kết nối được Internet.

2. Cách thức tham dự:

- Mỗi cổ đông đủ điều kiện dự Đại hội được cung cấp một và chỉ một **Tên đăng nhập và Mật khẩu truy cập** tương ứng dùng để đăng nhập vào hệ thống EzGSM và tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử. Cổ đông khi nhận được thư mời họp có thông tin liên quan đến việc đăng nhập vào hệ thống EzGSM và các yếu tố định danh khác phải chịu trách nhiệm bảo mật thông tin của mình để đảm bảo chỉ có cổ đông mới có quyền tham dự và bỏ phiếu trên hệ thống. Công ty sẽ hỗ trợ tối đa trong việc đảm bảo cho cổ đông được tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nhưng không chịu trách nhiệm đối với những vấn đề phát sinh do cổ đông làm mất thông tin đăng nhập.

- Cổ đông có nghĩa vụ cung cấp thông tin cá nhân và địa chỉ cho Công ty theo quy định tại Điều lệ. Đồng thời để bảo mật thông tin cá nhân cho cổ đông, Công ty có thể yêu cầu cổ đông cung cấp lại các thông tin cá nhân sau: Số CMND/CCCD/Hộ chiếu, Số điện thoại di động, hòm thư điện tử (địa chỉ email), địa chỉ thường trú hoặc tạm trú (địa chỉ liên lạc) đối với cá nhân; và Số ĐKKD, Số điện thoại liên hệ, địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức.

- Cổ đông thông qua hình thức trực tuyến và bỏ phiếu điện tử có thể ủy quyền cho người khác tham dự theo quy định tại Điều lệ Công ty. Theo đó, với người đại diện được ủy quyền, sau khi Công ty nhận được Mẫu ủy quyền bằng văn bản của bên ủy quyền và bên nhận ủy quyền có xác nhận hợp lệ, Công ty sẽ cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập cho bên nhận ủy quyền để bên nhận ủy quyền tiến hành thực hiện quyền và nghĩa vụ theo nội dung được ủy quyền. Cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm với thông tin ủy quyền đã gửi về Công ty.

Điều 3. Bảo mật thông tin đăng nhập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

1. Các thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) để tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến đã được VRG cung cấp trong Thư mời họp. Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc biểu quyết/bầu cử trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.
2. Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Công ty có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại.
3. Công ty khuyến nghị Đại biểu khi nhận được thông tin đăng nhập tối thiểu bao gồm tên đăng nhập và mật khẩu, nên truy cập vào hệ thống để tiến hành đổi mật khẩu đăng nhập để đảm bảo bảo mật thông tin.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Đại biểu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Đại biểu tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được biểu quyết, bầu cử tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ hoạt động Công ty trên hệ thống bỏ phiếu điện tử.
2. Kết quả bỏ phiếu của Đại biểu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử được coi là quyết định cuối cùng của Đại biểu. Đại biểu chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật, trước Công ty về kết quả bỏ phiếu điện tử đã được thực hiện trên hệ thống bỏ phiếu điện tử. Đại biểu phải thông báo ngay cho Công ty để kịp thời xử lý khi phát hiện tên đăng nhập, mật khẩu và/hoặc các yếu tố định danh khác bị mất, đánh cắp, bị lộ, hoặc nghi bị lộ bằng cách liên hệ với Công ty để thực hiện khóa tên truy cập, thiết bị bảo mật. Đại biểu phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại, tổn thất và rủi ro khác xảy ra trước thời điểm Công ty nhận được thông báo của Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông.

Điều 5. Cách thức ghi nhận Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông được Hệ thống tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự khi cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông thực hiện việc tích chọn **“Tán thành”** nội dung **“Tôi đồng ý tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam”** trên Hệ thống tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử trong thời gian Hệ thống được mở.
2. Hệ thống tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử sẽ được mở từ **8:00 ngày 30/6/2021** cho đến khi Ban Chủ tọa thông báo kết thúc Đại hội.

Điều 6. Thảo luận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Việc thảo luận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến do Ban Chủ tọa điều phối, đảm bảo tuân thủ đúng theo quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Đối với Đại biểu tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, Đại biểu có thể đặt câu hỏi trên hệ thống tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ

phiếu điện tử. Ban Thư ký có trách nhiệm tổng hợp tên Đại biểu, mã Đại biểu (nếu có), nội dung câu hỏi và chuyển cho Chủ tọa Đại hội để giải đáp.

Điều 7. Nguyên tắc và cách thức thực hiện bỏ phiếu điện tử

1. Kể từ thời điểm nhận được tên đăng nhập và mật khẩu vào hệ thống tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, Đại biểu có quyền truy cập và thực hiện biểu quyết/bầu cử các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Sau thời điểm kết thúc thời gian bỏ phiếu quy định trên thông báo của hệ thống bỏ phiếu điện tử, hệ thống sẽ không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ các Đại biểu.

2. Biểu quyết: Đại biểu bỏ phiếu biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Khi biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử, đối với từng nội dung, Đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” trên Phiếu biểu quyết đã được thiết lập sẵn tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau khi hoàn thành biểu quyết tất cả nội dung cần biểu quyết, Đại biểu nhấn “**Biểu quyết**” để lưu và gửi kết quả biểu quyết về hệ thống. Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết của mình cho tới khi nội dung biểu quyết đó hết hiệu lực tại cuộc họp.

3. Bầu cử: Đại biểu bỏ phiếu bầu cử theo phương thức biểu quyết đa số.

4. Trường hợp chương trình họp được bổ sung nội dung do cổ đông/nhóm cổ đông kiến nghị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Đại biểu có thể tiến hành biểu quyết, bầu cử bổ sung.

5. Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử nhiều lần nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết/bầu cử. Hệ thống bỏ phiếu điện tử chỉ ghi nhận kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc thời gian bỏ phiếu từng lần theo quy định.

Điều 8. Cách thức kiểm phiếu biểu quyết điện tử

1. Biểu quyết: khi Đại biểu thực hiện Bỏ phiếu điện tử, số phiếu biểu quyết được ghi nhận trên Hệ thống bỏ phiếu điện tử theo nguyên tắc phân tách rõ số lượng phiếu tán thành, số phiếu không tán thành và số phiếu không có ý kiến.

2. Bầu cử: hệ thống ghi nhận số phiếu bầu cử cho từng ứng viên mà Đại biểu tham gia bỏ phiếu.

Điều 9. Các sự kiện bất khả kháng

1. Sự kiện bất khả kháng là những sự kiện xảy ra một cách khách quan mà Công ty không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và trong khả năng cho phép như: thiên tai, hỏa hoạn, mất điện, mất kết nối đường truyền Internet hoặc các sự cố kỹ thuật khác, các yêu cầu hay chỉ thị của Chính phủ và các cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền khác.

2. Trường hợp các sự kiện bất khả kháng không thể khắc phục trong thời gian 60 phút để Đại hội có thể tiếp tục diễn ra, Chủ tọa sẽ tuyên bố tạm dừng Đại hội, tất cả các vấn đề đã được biểu quyết thông qua trước khi tạm dừng (nếu có) sẽ bị hủy bỏ. Các vấn đề này sẽ được tiến hành biểu quyết lại trong Đại hội cổ đông được triệu tập gần nhất.



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
VÀ KHU CÔNG NGHIỆP CAO SU VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hải Dương, ngày 30 tháng 6 năm 2021

DỰ THẢO

QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Phát triển Đô thị và KCN Cao su Việt Nam.

Ban Tổ chức Đại hội công bố Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam như sau:

I. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt

- Công ty/VRG : Công ty cổ phần Phát triển Đô thị và KCN Cao su Việt Nam
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, đại diện theo ủy quyền
- Hệ thống tổ chức : Hệ thống tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử
ĐHĐCĐ trực tuyến tại đường link: <https://ezgsm.fpts.com.vn/>

II. Chủ tọa tại Đại hội

Chủ tọa tại đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách đề cử vào Hội đồng quản trị
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có)

III. Số lượng, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn làm thành viên HĐQT:

1. Số lượng thành viên HĐQT bầu bổ sung : 01 người;
2. Số lượng ứng viên HĐQT tối đa : Theo tỷ lệ quy định tại Điều lệ Công ty;
3. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị: Theo quy định tại khoản 2, Điều 17 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 và Điều lệ công ty. Ngoài ra phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- Có lý lịch trong sạch, rõ ràng; Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh công ty;

IV. Nguyên tắc bầu cử

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội thông qua. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự ứng cử vào Hội đồng quản trị.

V. Qui định đề cử thành viên Hội đồng quản trị (Theo Điều lệ Công ty)

Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Luật doanh nghiệp.

Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

VI. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu bổ sung vào HĐQT

1. Hồ sơ đề cử vào HĐQT (Mẫu biểu được đăng tải trên website của Công ty theo địa chỉ: <http://vinaruco.com.vn/home/>)

- Đơn xin đề cử vào HĐQT (theo mẫu)
- Sơ yếu lý lịch ứng viên (theo mẫu)
- Bản sao các giấy tờ sau: CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú (nếu có)
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có)
- Giấy tờ xác nhận tỷ lệ sở hữu của cổ đông/ nhóm cổ đông đáp ứng điều kiện đề cử theo Quy chế này quy định (theo mẫu)

Người đề cử/ứng cử vào HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

Chỉ những hồ sơ đề cử hoặc ứng cử đáp ứng đủ điều kiện và những ứng viên đáp ứng đủ điều kiện tương ứng của thành viên HĐQT mới được đưa vào danh sách công bố tại Đại hội.

2. Địa điểm và thời hạn nhận hồ sơ đề cử:

Để tạo điều kiện cho công tác tổ chức Đại hội, các ứng viên vui lòng gửi hồ sơ về Ban tổ chức trước **15h00, ngày 20/6/2021** theo thông tin như sau:

Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam

Địa chỉ: Số 12 Nguyễn An, Phường Hải Tân, TP.Hải Dương, Tỉnh Hải Dương

Điện thoại: (0220) 3838025 - Fax: (0220) 3838024

Liên hệ: Bà Vũ Thị Thu Hà - ĐT: 0915.616.875

Trường hợp gửi về sau thời gian nêu trên, hồ sơ sẽ được coi là không hợp lệ.

VII. Danh sách ứng cử viên

- Dựa vào Hồ sơ đề cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng viên, Thư ký Đại hội sẽ lập Danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu bổ sung HĐQT.

- Danh sách ứng cử viên HĐQT được ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

VIII. Phương thức bầu cử:

- Thực hiện theo phương thức biểu quyết theo đa số. Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) và thực hiện bầu cho các ứng viên nhưng không quá số thành viên đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

III. Phiếu bầu cử

1. Nội dung của Phiếu bầu cử

- Phiếu bầu cử (phiếu bầu) là phiếu có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện trên hệ thống tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.

- Mỗi đại biểu có 01 Phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị. Đại biểu kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban tổ chức Đại hội.

2. Cách ghi Phiếu bầu cử

Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

- + Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên trúng cử
- + Đại biểu bầu dồn đều số phiếu cho các ứng viên bằng cách đánh dấu vào ô “Bầu dồn đều phiếu”.

3. Tính hợp lệ của phiếu bầu cử

Phiếu bầu hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu do ban tổ chức phát ra trên hệ thống, không được có bất cứ can thiệp nào tới an ninh hệ thống và cổ đông bầu hết số phiếu bầu của mình.

4. Bỏ phiếu và Kiểm phiếu

- Trong trường hợp có sự sai sót, đại biểu có thể thay đổi kết quả bầu cử của mình cho tới khi nội dung bầu cử đó hết hiệu lực tại cuộc họp.

- Đại biểu thực hiện nhấn “Bầu cử” có nghĩa là xác nhận gửi kết quả bầu cử về Ban kiểm phiếu.

- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, hệ thống sẽ thực hiện quá trình kiểm phiếu.

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ tọa giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của đại biểu (nếu có).

- Phiếu bầu cử sau khi kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định.

5. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên:

- Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số thành viên HĐQT thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

IV. Hiệu lực thi hành

Quy chế bầu cử này có hiệu lực thực hiện ngay khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Quy chế này sẽ hết hiệu lực khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam kết thúc.

Trên đây là toàn bộ quy chế ứng cử, đề cử thành viên để bầu bổ sung Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Phát triển Đô thị và KCN Cao su Việt Nam.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

TM. BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Phạm Trung Thái
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KCN CAO SU VIỆT NAM
Trụ sở chính: Số 12 Nguyễn An, Phường Hải Tân, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương
Điện thoại: (0220) 3838025 Fax: (0220) 3838024
Website: www.vinaruco.com.vn Email: congtv.vrg@gmail.com



GIẤY ĐỀ CỬ ỨNG VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên
Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam

Họ tên cổ đông:.....
CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN số:.....
Ngày cấp:.....Nơi cấp:
Người đại diện theo pháp luật (nếu có):
Hiện đang sở hữu:.....cổ phần.....
Tương ứng% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết Đề nghị Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam cho Tôi/Công ty chúng Tôi đề cử:
Ông/Bà:.....
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành:
Hiện đang sở hữu:.....(cổ phần)
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)
Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam.

Tôi cam đoan những thông tin Tôi, Công ty chúng Tôi cung cấp là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ gửi kèm.

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bản sao các bằng cấp;
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên;

....., ngày..... tháng năm ...

Người đề cử

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KCN CAO SU VIỆT NAM
Trụ sở chính: Số 12 Nguyễn An, Phường Hải Tân, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương
Điện thoại: (0220) 3838025 Fax: (0220) 3838024
Website: www.vinaruco.com.vn Email: congtv.vrg@gmail.com



GIẤY ỨNG CỬ THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên
Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam

Tên Tôi là:
CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKDN số:.....
Ngày cấp:.....Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:.....
Trình độ học vấn:.....
Chuyên ngành:
Hiện đang sở hữu:..... cổ phần
Tương ứng...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Đề nghị Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam cho Tôi được tự ứng cử làm ứng viên tham gia vào Hội đồng quản trị của Công ty.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị Tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam.

Tôi cam đoan những thông tin Tôi cung cấp là đúng sự thật và Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ gửi kèm.

Xin trân trọng cảm ơn.

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bản sao các bằng cấp;
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên;

....., ngày..... tháng năm ...

Người ứng cử

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KCN CAO SU VIỆT NAM
Trụ sở chính: Số 12 Nguyễn An, Phường Hải Tân, TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương
Điện thoại: (0220) 3838025 Fax: (0220) 3838024
Website: www.vinaruco.com.vn Email: congtv.vrg@gmail.com



BIÊN BẢN HỢP NHÓM CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ ỨNG VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ hoạt động Công ty CP Phát triển đô thị và KCN Cao su Việt Nam;

Căn cứ Quy định đề cử thành viên Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và KCN Cao su Việt Nam.

Hôm nay, ngày..... tại, chúng tôi là những cổ đông của Công ty CP Phát triển đô thị và KCN Cao su Việt Nam, cùng nhau nắm giữ.....cổ phần (bằng chữ: cổ phần), chiếm tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong Danh sách dưới đây:

STT	Tên Cổ đông	CMND/CCCD/HỘ CHIẾU/ĐKDN	Địa chỉ thường trú	Số CP sở hữu /đại diện SH	Ký và ghi rõ họ tên
	Tổng cộng				

1. Sau khi tham khảo các quy định về đề cử, ứng cử của Công ty, chúng tôi cùng nhất trí đề cử ứng cử viên sau đây tham gia vào Hội đồng quản trị Công ty CP Phát triển đô thị và KCN Cao su Việt Nam tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 như sau:

Ông (Bà):

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú.....

Trình độ học vấn:.... Chuyên ngành:.....

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bản sao hợp lệ các bằng cấp;
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên;

2. Đồng thời chúng tôi thống nhất cử:

Ông (Bà):

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Trình độ học vấn:..... Chuyên ngành:.....

Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng Quy định về việc tham gia đề cử vào Hội đồng quản trị của Công ty CP Phát triển đô thị và KCN Cao su Việt Nam

Biên bản này được lập vào lúc giờ, ngày /...../..... tại

Chúng tôi cam đoan những thông tin cung cấp nêu trên là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ gửi kèm.

....., ngày tháng năm

CỔ ĐÔNG

(người được cử làm đại diện nhóm)

(Ký và ghi rõ họ tên)¹

¹Đối với cổ đông pháp nhân:

- Người đại diện theo Pháp luật ký tên và đóng dấu, hoặc
- Trường hợp pháp nhân cử đại diện góp vốn (đại diện theo ủy quyền) thì người đại diện ký tên và đính kèm các văn bản cử người đại diện theo quy định.



Ảnh 4 x 6
(ảnh mới nhất)

SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho người ứng cử/đề cử tham gia Hội đồng quản trị)

1. Họ và tên:.....Giới tính: Nam/Nữ.....
2. Ngày tháng năm sinh:.....Nơi sinh:.....
3. Quốc tịch:.....
4. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:.....Cấp ngày...../...../..... Tại.....
5. Địa chỉ thường trú:.....
6. Số điện thoại liên lạc:.....Email:.....
7. Trình độ văn hoá:.....
8. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:.....
9. Chức vụ hiện nay tại Công ty VRG (nếu có) :.....
10. Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:.....
.....
.....
11. Số CP nắm giữ: ,chiếm % vốn điều lệ, trong đó:
+ Đại diện Công ty sở hữu:
+ Cá nhân sở hữu:.....
12. Các cam kết nắm giữ (nếu có):.....
13. Danh sách người có liên quan của người khai* :

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty VRG (nếu có)	Mối quan hệ

14. Lợi ích liên quan đối với Công ty VRG (nếu có):

15. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty VRG (nếu có):

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày ... tháng ... năm

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)



CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NĂM 2021

(Thực hiện theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021; và các văn bản hướng dẫn liên quan)

TT	Nội dung	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung
1	Phần mở đầu	<p>Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Cao su Việt Nam (<i>dưới đây gọi tắt là Công ty</i>) được xây dựng trên cơ sở các quy định của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015; Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán; các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán.</p> <p>Điều lệ này thay thế cho Điều lệ Công ty lập ngày 08 tháng 6 năm 2018 nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ và phù hợp với tình hình mới của Công ty, là cơ sở pháp lý để tiến hành các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.</p>	<p>Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Cao su Việt Nam (<i>dưới đây gọi tắt là Công ty</i>) được xây dựng trên cơ sở các quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021; Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021; và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán.</p> <p>Điều lệ này thay thế cho Điều lệ Công ty lập ngày 24 tháng 6 năm 2020 nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ và phù hợp với tình hình mới của Công ty, là cơ sở pháp lý để tiến hành các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.</p>
2	Sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 1	<p>Điều 1: Định nghĩa</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:</p> <p>b. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014.</p> <p>c. “Luật chứng khoán” là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán</p>	<p>- “Luật Doanh nghiệp” là là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.</p> <p>- “Luật chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14</p>

		<p>ngày 24/11/2010.</p> <p>g. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 17, Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.</p> <p>h. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 9, Điều 6 Luật chứng khoán.</p> <p>i. “Người nội bộ của Công ty đại chúng” được quy định tại khoản 5, Điều 2 Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính.</p>	<p>được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.</p> <p>- “<i>Người có liên quan</i>” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.</p> <p>- “<i>Cổ đông lớn</i>” là cổ đông được quy định tại khoản 18, Điều 4, Luật chứng khoán.</p> <p>- “Người nội bộ của Công ty đại chúng” được quy định tại khoản 45, Điều 4 Luật chứng khoán.</p> <p>- Bổ sung:</p> <p>b. “<i>Vốn có quyền biểu quyết</i>” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông (<i>khoản 33, Điều 4, Luật DN</i>);</p> <p>i. “<i>Cổ đông</i>” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty (<i>khoản 3, Điều 4 Luật DN</i>);</p> <p>j. “<i>Cổ đông sáng lập</i>” là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty (<i>khoản 4, Điều 4, Luật DN</i>);</p>
3	Sửa đổi tên của Chương II	CHƯƠNG II: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	Chương II: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, thời hạn hoạt động của Công ty và Người đại diện theo pháp luật của Công ty
	Sửa đổi khoản 1, Điều 2	<p>1. Tên Công ty:</p> <p>- Tên viết tắt: VINARUCO</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:</p> <p>- Số 12 Phố Nguyễn An, Phường Hải Tân, Thành phố Hải Dương. Tỉnh Hải Dương</p>	<p>- Tên viết tắt: VRG</p> <p>- Số 12 Phố Nguyễn An, Phường Lê Thanh Nghị, Thành phố Hải Dương. Tỉnh Hải Dương (<i>do Thành phố Hải Dương thực hiện thay đổi địa giới hành chính</i>)</p>
4	Sửa đổi khoản 2, Điều 7	Điều 7: Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần:	

		2. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần là chứng chỉ có giá do công ty phát hành để xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp	2. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần là chứng chỉ có giá do công ty phát hành để xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp
		5. Trường hợp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần bị mất... b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần mới.	5. Trường hợp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần (chưa thực hiện lưu ký) bị mất, bị hư hỏng, bị hủy hoại dưới hình thức khác thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 121 Luật doanh nghiệp và phải thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.
		- Bổ điểm c, khoản 5: Đối với Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần đăng thông báo về việc Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần mới.	
5	Sửa đổi khoản 4, Điều 10	Điều 10: Thu hồi cổ phần 4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3, điều 111 Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3, điều 112 Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
6	Sửa đổi, bổ sung khoản 2, Điều 12	Điều 12: Quyền của cổ đông 2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;	h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp;

			<p>- Bổ sung:</p> <p>c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;</p> <p>i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</p> <p>j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;</p> <p>k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p>
	Sửa đổi, bổ sung khoản 3, Điều 12	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng có các quyền sau:</p>	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>- Bổ sung:</p> <p>a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>e. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải</p>

			<p>ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</p> <p>f. Đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông; + Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
7	Sửa đổi, bổ sung điểm b, khoản 2, Điều 13	Điều 13: Nghĩa vụ của cổ đông: b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;	b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
	Bổ sung thêm khoản 5, Điều 13		<p>- Bổ sung:</p> <p>5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p>
8	Sửa đổi, bổ sung Điều 14	Điều 14: Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của	<p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp</p>

		<p>Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần hoặc tổ chức bất thường. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cuộc họp Đại hội đồng thường niên có thể kéo dài nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính sau khi xin phép và được sự đồng ý của cơ quan đăng ký kinh doanh.</p>	<p>thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p>
		<p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện Công ty kiểm toán độc lập dự họp đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</p>	<p>2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.</p>
		<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2, Điều 114 Luật doanh nghiệp yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông ...</p>	<p>- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2, Điều 115 Luật doanh nghiệp yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông ...</p>
		<p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Người quản lý Công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p>	<p>- Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.</p>

		<p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5, điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3, điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p>
		<p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b, khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d, khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6, Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b, khoản 4 Điều này thì cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại điểm d, khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.</p>
			<p>- Bổ sung:</p> <p>d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p>
9	<p>Sửa đổi, bổ sung và sắp xếp lại các điểm, khoản của Điều 15 (Bổ khoản 3)</p>	<p>Điều 15: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán ;</p> <p>b. Báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p>	<p>Điều 15: Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</p> <p>f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p>

	<p>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;</p> <p>e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành;</p> <p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;</p> <p>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p> <p>l. Quyết định giao dịch đầu tư hoặc bán tài sản Công ty có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;</p>	<p>g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p> <p>i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>l. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;</p> <p>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;</p> <p>e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>f. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>g. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS;</p> <p>h. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p>
--	--	--

	<p>m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;</p> <p>n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1, Điều 162 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>i. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</p> <p>j. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p> <p>k. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>l. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>m. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>n. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>o. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>p. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>q. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>r. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p> <p>s. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>
	<p><u>- Bỏ khoản 3:</u></p> <p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p>	

		<p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.</p>	
10	Sửa đổi, bổ sung Điều 16	<p>Điều 16: Đại diện theo ủy quyền</p> <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</p>	<p>Điều 16: Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</p>
		<p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p>	<p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự hoặc theo mẫu ủy quyền của công ty. Văn bản ủy quyền phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền và phải có chữ ký của các bên theo quy định sau đây:</p>
11	Sửa đổi Điều 17	<p>Điều 17: Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ</p>	<p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông</p>

		đồng nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua	qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
		2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.	2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, Điều 20, Điều 21 Điều lệ này.
12	Sửa đổi, bổ sung Điều 18	Điều 18: Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông 1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.	1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.
		2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.	2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
		3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng	3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ

		ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư)	phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư)
		5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau: b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này.	5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau: b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này.
			- Bổ sung: 6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
13	Sửa đổi, bổ sung Điều 19	Điều 19: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
		2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

		triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	
14	Sửa đổi, bổ sung Điều 20	<p>Điều 20: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>7. Chủ tọa Đại hội có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:</p> <p>d. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>d. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp.</p>
			<p>- Bổ sung:</p> <p>13. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>
15	Sửa đổi, bổ sung Điều 21	<p>Điều 21: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>1. Trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông (theo các phương thức:</p>	<p>Điều 21: Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua:</p> <p>1. Trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này và các quy định tại khoản 3, 4, và 6 Điều 148 Luật doanh nghiệp, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông</p>

		họp trực tiếp; họp trực tuyến; lấy ý kiến bằng văn bản, bỏ phiếu điện tử hoặc các hình thức điện tử khác).	dự họp tán thành (theo các phương thức: họp trực tiếp; họp trực tuyến; lấy ý kiến bằng văn bản, bỏ phiếu điện tử hoặc các hình thức điện tử khác).
		<p>2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến những nội dung sau: Sửa đổi và bổ sung Điều lệ; loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp; giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ các trường hợp quy định tại khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp :</p> <p>a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoạt động;</p> <p>b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>c. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>d. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>f. Tạm dừng hoạt động, tổ chức lại, giải thể Công ty;</p>
		3. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp	3. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức biểu quyết đa số. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
16	Sửa đổi Điều 22	<p>Điều 22: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị</p>	<p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị</p>

		quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.	quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
		6. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	6. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
17	Sửa đổi, bổ sung Điều 23	Điều 23: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt (có thể lập thêm bằng tiếng Anh) và có các nội dung chủ yếu sau đây: i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.	Điều 23: Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt (có thể lập thêm bằng tiếng Anh) và có các nội dung chủ yếu sau đây: i. Họ tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
		- <u>Bỏ khoản 4:</u> Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.	
		5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông	5. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy

		đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Cty.
18	Sửa đổi Điều 24	<p>Điều 24: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>
19	Sửa đổi, bổ sung Điều 25	<p>Điều 25: Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị phải đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp</p>	<p>- Bổ sung:</p> <p>h. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có)</p>
		<p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên ...</p>	<p>2. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp.</p>
			<p>- Bổ sung:</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>

20		<p>Điều 26: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</p>
	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 26</p>	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty.</p> <p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.</p> <p>d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.</p> <p>e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật doanh nghiệp.</p>

		g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	
			Bổ sung: 4. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 Công ty khác.
21	Sửa đổi, bổ sung và sắp xếp lại Điều 27	<p>Điều 27: Trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:</p> <p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.</p> <p>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm các cán bộ quản lý Công ty và quyết định mức lương, thưởng, phạt của họ.</p> <p>d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.</p> <p>e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người quản lý Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người quản lý đó.</p>	<p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</p> <p>e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p>

	<p>f. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại.</p> <p>g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền.</p> <p>h. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền.</p> <p>i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc, cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có); cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng quản trị ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.</p> <p>j. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.</p> <p>k. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty.</p> <p>l. Quyết định ban hành quy chế nội bộ về quản trị Công ty.</p> <p>m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.</p> <p>n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Công ty, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định.</p> <p>o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.</p> <p>p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).</p>	<p>h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>j. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>k. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>l. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>m. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>n. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;</p> <p>o. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của công ty;</p>
--	--	---

			<p>p. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.</p> <p>q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>
			<p>- Bổ sung:</p> <p>5. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.</p> <p>6. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.</p>
		<p>6. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p>	<p>Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>
22	Sửa đổi, bổ sung Điều 28	<p>Điều 28: Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>- Bổ sung:</p> <p>1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p>

		<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.</p>	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</p>
		<p>2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên HĐQT phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</p>	<p>3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>
		<p>4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình.</p>	<p>5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p>
			<p>- Bổ sung:</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.</p>
23	Sửa đổi, bổ sung Điều 31	<p>Điều 31: Chủ tịch Hội đồng quản trị:</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch HĐQT.</p>	<p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p>

			<p>- Bổ sung:</p> <p>2. Chủ tịch HĐQT Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.</p>
		<p>2. Chủ tịch HĐQT có nghĩa vụ: Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên HĐQT khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán.</p>	<p>3. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây: Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; đồng thời có các Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên HĐQT khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p>
		<p>- Bổ khoản 3: Chủ tịch HĐQT phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p>	

		<p>4. Chủ tịch HĐQT có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.</p>	<p>5. Chủ tịch HĐQT có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</p>
24	Sửa đổi, bổ sung Điều 32	<p>Điều 32: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>4. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>4. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>
		<p><u>- Bỏ các khoản sau:</u></p> <p>5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p> <p>6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</p>	
		<p>7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp</p>	<p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi Thông báo mời họp Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày họp ...</p>
		<p>9. Biểu quyết:</p>	<p>7. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p>

	<p>a. Trừ quy định tại điểm b khoản 9 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.</p> <p>c. Theo quy định tại điểm d khoản 9, Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 42 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p> <p>e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p>	<p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác;</p> <p>f. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p>
		<p>- Bổ sung:</p> <p>9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p>
	<p>12: Biên bản họp Hội đồng quản trị:</p>	<p>- Bổ sung:</p> <p>- Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp</p>

			<p>nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Điều này thì biên bản này có hiệu lực.</p> <p>- Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p>
25	Bổ sung thêm Điều 33		<p>Điều 33. Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</p> <p>3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông</p>

			<p>tin của Công ty;</p> <p>h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p> <p>i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>
26	Sửa đổi, bổ sung Điều 34	<p>Điều 34: Tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc. Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động với nhân sự dự kiến làm Tổng giám đốc và quyết định thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc theo hai (02) phương án là: dựa vào hệ thống thang bảng lương theo quy định hiện hành của Nhà nước hoặc căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty.</p> <p>Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Ban điều hành được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm, được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc. Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động với nhân sự dự kiến làm Tổng giám đốc và quyết định tiền lương, thưởng của Tổng giám đốc theo hai (02) phương án là: dựa vào hệ thống thang bảng lương theo quy định hiện hành của Nhà nước hoặc căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty.</p> <p>Tiền lương của Ban điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>
27	Sửa đổi, bổ sung Điều 37	<p>Điều 37: Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên:</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty;</p>	<p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.</p>
28	Bổ sung Điều 38	<p>Điều 38: Kiểm soát viên</p>	<p>- Bổ sung:</p> <p>6. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.</p>

29	Sửa đổi, bổ sung Điều 39	<p>Điều 39: Trưởng Ban kiểm soát</p> <p>Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.</p>	<p>1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và làm việc chuyên trách tại Công ty.</p>
		<p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát.</p>	<p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát.</p>
30	Sửa đổi, bổ sung Điều 40	<p>Điều 40: Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty.</p> <p>e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp</p>	<p>a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông: phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</p> <p>e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>
		<p>3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.</p>	<p>3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản</p>

			và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.
		<p>4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.</p>	<p>4. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>a. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.</p> <p>b. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>c. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.</p>
31	Sửa đổi, bổ sung Điều 41	<p><u>Điều 41: Trách nhiệm cần trọng</u></p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc có trách nhiệm sau đây:</p> <p>a. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty; nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.</p>	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm sau đây:</p> <p>a. Tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty; nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.</p>

		<p>c. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty.</p>	<p>c. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về nội dung quy định tại khoản 2, Điều 164 Luật doanh nghiệp.</p>
32	Sửa đổi, bổ sung Điều 42		<p>- Bổ sung:</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho công ty và bên thứ ba.</p>
		<p>Điều 42: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p>	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.</p>
		<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p>	<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ trở lên với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin</p>

			về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
		<p>4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.</p>	<p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>
		<p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan.</p>	<p>6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan.</p>

		<p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này.</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>b. Đối với những giao dịch có giá trị lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan</p>
33	Sửa đổi, bổ sung Điều 43	<p>Điều 43: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 3, Điều 12 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p>	<p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</p> <p>a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</p>
			<p>- Bổ sung:</p> <p>2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ</p>

			đồng yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
34	Sửa đổi, bổ sung Điều 46	Điều 46: Phân phối lợi nhuận: 1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận và tỷ lệ được giữ lại chưa phân phối của Công ty.	1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
		4... Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.	4.... Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.
		6. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên...	- Bổ sung: e. Thời điểm và phương thức trả cổ tức; f. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty.
			- Bổ sung: 7. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty. 8. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các điều 123, 124 và 125 của Luật doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.
35	Sửa đổi, bổ sung Điều 50	Điều 50: Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý 1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp	Điều 50: Báo cáo tài chính năm, bán niên và hàng quý 1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm và báo cáo phải được

		luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 53 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh.	kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
		2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.	2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
		3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.	3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
36	Sửa đổi, bổ sung Điều 53	Điều 53: Kiểm toán: - Bổ khoản 2: Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	
		3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.	Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
37	Sửa đổi, bổ sung Điều 54	Điều 54: Con dấu 1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.	Điều 54: Con Dấu của Công ty 1. Con Dấu bao gồm con dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc con dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

			<p>- Bổ sung:</p> <p>2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung con dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).</p>
38	Sửa đổi, bổ sung Điều 55	<p>Điều 55: Chấm dứt hoạt động</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 55: Giải thể Công ty</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>b. Giải thể trước thời hạn theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật quản lý thuế có quy định khác.</p>
39	Sửa đổi, bổ sung Điều 56	<p>Điều 56: Gia hạn hoạt động</p> <p>2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.</p>
40	Sửa đổi, bổ sung Điều 60	<p>Điều 60: Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản Điều lệ sửa đổi, bổ sung này có 22 Chương, 60 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Cao su Việt Nam biểu quyết thông qua, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 6 năm 2020 và thay thế cho Bản Điều lệ được thông qua ngày 08 tháng 6 năm 2018.</p>	<p>1. Bản Điều lệ sửa đổi, bổ sung này có 22 Chương, 61 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu Công nghiệp Cao su Việt Nam nhất trí thông qua ngày ... tháng 6 năm 2021 và thay thế cho Bản Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2020.</p>



QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY **của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp** **Cao su Việt Nam**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: .../2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày ... tháng ... năm 2021
của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty)*

DỰ THẢO

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số ... ngày... tháng... năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam. Quy chế này bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh:

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty được xây dựng nhằm đảm bảo cho Công ty được điều hành và kiểm soát theo những nguyên tắc, quy định pháp luật về quản trị Công ty đại chúng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông và Công ty, giảm thiểu rủi ro cho Công ty. Quy chế này quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban

kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Quy chế được áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, những người liên quan của Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và chữ viết tắt:

Trong Quy chế này, những thuật ngữ sau đây được hiểu như sau:

a. "Công ty" là Công ty cổ phần Phát triển đô thị và Khu công nghiệp Cao su Việt Nam. Giấy chứng nhận ĐKKD số: 0800300443 do Sở KHĐT tỉnh Hải Dương cấp lần đầu ngày 04/10/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 22/8/2014;

b. "*Vốn điều lệ*" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và được quy định tại Điều 6 của Điều lệ Công ty.

c. "*Vốn có quyền biểu quyết*" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. "*Luật Doanh nghiệp*" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.

e. "*Luật chứng khoán*" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.

f. "Người điều hành doanh nghiệp" bao gồm: Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các Chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định của Điều lệ Công ty.

g. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

h. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18, Điều 4, Luật chứng khoán

i. "Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành" là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc cổ đông lớn của công ty.

j. "*Người nội bộ của Công ty đại chúng*" được quy định tại khoản 45, Điều 4 Luật chứng khoán.

Điều 3. Các nguyên tắc quản trị cơ bản của Công ty:

- Là hệ thống các văn bản quy định nguyên tắc làm việc, trình tự, thủ tục nhằm bảo đảm cho Công ty được điều hành, kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và công ty. Các nguyên tắc quản trị công ty bao gồm:

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
2. Công khai, minh bạch trong hoạt động của Công ty;
3. Đảm bảo cơ chế quản trị, điều hành Công ty hiệu quả;
4. Tôn trọng và đảm bảo quyền lợi hợp pháp của cổ đông;

5. Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
6. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với Người có liên quan;
7. Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
8. Phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức, quản trị Công ty:

- Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc;
5. Các Phó tổng giám đốc - Kế toán trưởng.

CHƯƠNG II ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty
2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

Mục 1

Trình tự, thủ tục tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp và phương thức thông qua Nghị quyết, Biên bản Đại hội đồng cổ đông

Điều 6. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông:

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau đây:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Báo cáo tài chính Quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ.

c. Khi số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, ban kiểm soát ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty.

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2, Điều 115 Luật doanh nghiệp yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

e. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, kiểm soát viên còn lại theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và e, khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3, điều 140 Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b, khoản 4 Điều này thì cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại điểm d, khoản 1 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

5. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

6. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

- a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.
- b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội.
- c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
- d. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội.
- e. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội.
- f. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp.
- g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

7. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu (bản chính thức hoặc bản dự thảo) liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp trên Website Công ty để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp.
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên.
- c. Phiếu biểu quyết.
- d. Mẫu giấy xác nhận dự họp và ủy quyền dự họp.
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

8. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị những vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:

- a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ.
- c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội cổ đông.
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 7. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên danh sách do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp cho Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi Thư mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân, số điện thoại đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông.

3. Cổ đông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 8. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp bằng cách gửi Giấy xác nhận tham dự họp Đại hội đồng cổ đông đến Công ty (qua điện thoại hoặc hòm thư điện tử nêu tại thông báo mời họp) để xác nhận việc sẽ trực tiếp đến tham dự họp ĐHĐCĐ hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự

hợp hoặc dự hợp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự hợp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự hoặc theo mẫu ủy quyền của Công ty. Văn bản ủy quyền phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền và phải có chữ ký của các bên theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông là cá nhân ủy quyền cho cá nhân khác dự hợp thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân được ủy quyền dự hợp;

b. Trường hợp cổ đông là cá nhân ủy quyền cho tổ chức khác dự hợp thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

c. Trường hợp cổ đông là tổ chức ủy quyền cho cá nhân dự hợp thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của tổ chức ủy quyền và cá nhân được ủy quyền dự hợp;

d. Trường hợp cổ đông là tổ chức ủy quyền cho tổ chức khác dự hợp thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của tổ chức ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

e. Cá nhân hoặc tổ chức được ủy quyền dự hợp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo chứng minh nhân dân, /thẻ căn cước/hộ chiếu để kiểm tra và nộp giấy ủy quyền (bản gốc) trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự hợp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.

b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền.

c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

5. Trước khi khai mạc Đại hội, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền dự hợp có mặt trực

tiếp tại địa điểm tổ chức đăng ký hết.

6. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 9. Cách thức biểu quyết:

1. Cổ đông được xem là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

2. Sau khi các vấn đề trong nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông đã được thảo luận chi tiết, Chủ tọa cuộc họp sẽ tiến hành cho các cổ đông biểu quyết từng vấn đề.

3. Cổ đông hoặc đại diện được cổ đông ủy quyền dự họp thực hiện việc biểu quyết bằng cách lựa chọn phương án đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến cho từng nội dung được lấy ý kiến trên cơ sở phù hợp với Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty (nếu có).

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức biểu quyết đa số.

5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi đáp ứng các tỷ lệ biểu quyết đồng ý được quy định tại Điều lệ Công ty theo từng trường hợp cụ thể.

Điều 10. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu:

1. Mỗi cổ đông được cấp 01 Phiếu biểu quyết (*trong đó thể hiện toàn bộ các vấn đề cần biểu quyết*) có đóng dấu treo của Công ty. Trên Phiếu biểu quyết có ghi mã số cổ đông, số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và được ủy quyền).

2. Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa cuộc họp hoặc Trưởng ban kiểm phiếu và kết thúc khi các cổ đông nộp đầy đủ phiếu cho Ban kiểm phiếu. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được niêm phong và những cổ đông không tham gia bỏ phiếu được coi như không có ý kiến. Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc và hòm phiếu được niêm phong.

3. Việc kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu tiến hành tại phòng kín ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc. Ban kiểm phiếu không gạch xóa, sửa chữa trên phiếu biểu quyết. Ban kiểm phiếu sẽ lập biên bản kiểm phiếu và ghi kết quả biểu quyết vào biên bản, bao gồm: Số phiếu không hợp lệ; số phiếu hợp lệ, biểu quyết: “**Tán thành; Không tán thành; Không có ý kiến;**”. Tỷ lệ phần trăm (%) tương ứng với số phiếu biểu quyết “**Tán thành; Không**

tán thành; Không có ý kiến;” trên tổng số phiếu hợp lệ thu về. Trường hợp cổ đông/người được ủy quyền có ý kiến thắc mắc về kết quả biểu quyết, Chủ tọa sẽ xem xét và quyết định ngay tại Đại hội.

4. Sau khi quá trình kiểm phiếu biểu quyết hoàn thành, Trưởng ban kiểm phiếu thông qua Biên bản kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

Điều 11. Cách thức phản đối Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 (mười ngày) làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết định về các vấn đề nêu trên. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

2. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ Công ty.

b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 12. Lập Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt (có thể lập thêm bằng tiếng Anh) và có hiệu lực pháp lý như nhau, bao gồm các nội dung chủ yếu được quy định tại khoản 1, Điều 150 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của

Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

5. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 13. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

Nghị quyết, Biên bản họp của ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 14. Hiệu lực các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại Nghị quyết đó.
2. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.
3. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
4. Trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 15. Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
 - b. Mục đích lấy ý kiến.

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến.

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân được ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết.

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.

e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Mục 2

Trình tự, thủ tục tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử; phương thức thông qua Nghị quyết, Biên bản Đại hội đồng cổ đông

Điều 16. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết, Biên bản Đại hội bằng hình thức hội nghị trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

1. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến thực hiện tương tự quy định tại Điều 6 Quy chế này.

2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

a. Việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện tương tự quy định tại Điều 7 Quy chế này.

b. Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này. Thông báo mời họp phải quy định rõ cách thức đăng ký và tham dự họp trực tuyến, cách thức bỏ phiếu điện tử và phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.

3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền (nếu có) tham dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến để thực hiện đăng ký tham dự họp. Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông một (01) tên đăng nhập kèm mật khẩu tương ứng để truy cập vào hệ thống nêu trên. Hướng dẫn cụ thể sẽ được ghi trong thông báo họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

4. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy chế này và những cách thức được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.

6. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, và thông báo kết quả kiểm phiếu

a. Cách thức bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.

b. Cổ đông dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến quy định tại khoản 3 Điều này để thực hiện biểu quyết/ bầu cử. Khi cổ đông tiến hành bỏ phiếu điện tử, số ý kiến “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” đối với từng nội dung biểu quyết và số phiếu bầu cử cho từng ứng viên được ghi nhận trên hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

c. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa hoặc Trưởng ban kiểm phiếu công bố ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu.

7. Điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.

8. Lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Việc lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Điều 12 Quy chế này.

9. Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông

Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, hoặc thông qua theo hình thức bỏ phiếu điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 11 Quy chế này.

10. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Việc công bố nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện tương tự quy định tại Điều 13 Quy chế này.

11. Hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, hoặc thông qua theo hình thức bỏ phiếu điện tử có giá trị tương đương nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức biểu quyết trực tiếp.

12. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Việc yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG III:
ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 17. Thành phần, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm, thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

2. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Có lý lịch trong sáng, rõ ràng; Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng không được thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2, Điều 17 Luật doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty;

c. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

Điều 18. Cách thức ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị:

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị phải đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để các cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh.

b. Trình độ chuyên môn.

c. Quá trình công tác.

d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

f. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có).

g. Các thông tin khác (nếu có).

h. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Luật doanh nghiệp.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 19. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị:

Bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức biểu quyết đa số. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 20. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định.

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp: Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số lượng theo quy định. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3.

4. Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 21. Công bố thông tin về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

1. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị cho các cơ quan chức năng và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ ngày thực hiện việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.
2. Công ty gửi cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch Bản cung cấp thông tin của Người nội bộ mới theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 22. Thông báo họp của Hội đồng quản trị:

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.
3. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản, trong đó nêu rõ mục đích cuộc họp, các vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:
 - a. Ban kiểm soát;
 - b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác.
 - c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị.
4. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi Thông báo mời họp Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị

phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận, biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

Điều 23. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị:

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

2. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau. Việc thảo luận giữa các thành viên Hội đồng quản trị có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng các phương tiện thông tin liên lạc khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được xem là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm các thành viên Hội đồng quản trị có mặt đông nhất hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp đó.

Điều 24. Cách thức biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị:

1. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 3 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.
- f. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

3. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 25. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị:

1. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

2. Nghị quyết, quyết định theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 26. Biên bản họp Hội đồng quản trị:

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.

Biên bản có các nội dung chủ yếu như sau:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp.
- c. Thời gian, địa điểm họp.
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.
- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.
- g. Các vấn đề đã được thông qua.
- h. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản;

2. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

- Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 27. Thông báo nghị quyết Hội đồng quản trị:

1. Các bản sao hoặc trích sao biên bản các nghị quyết Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị ký và đóng dấu trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều này.

2. Nghị quyết của Hội đồng quản trị về việc thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với Người nội bộ, Người có liên quan của Người nội bộ hoặc Người có liên quan của Công ty được công bố thông tin cho các cơ quan chức năng và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty theo các quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 28. Người phụ trách quản trị Công ty:

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc tuyển dụng ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại Điều lệ.

2. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

3. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Người phụ trách quản trị Công ty bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Người phụ trách quản trị Công ty;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c. Bị bãi nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị.

6. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành Công ty cho các cơ quan chức năng và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ ngày thực hiện bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành Công ty.

Công ty phải gửi cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch Bản cung cấp thông tin của Người nội bộ mới theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 29. Thành phần, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn, điều kiện làm Kiểm soát viên:

- 1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty.

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2, Điều này, Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 30. Cách thức ứng cử, đề cử người vào vị trí kiểm soát viên:

- 1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự như quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty.
- 2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế

hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 31. Cách thức bầu Kiểm soát viên:

Bầu Kiểm soát viên thực hiện theo phương thức biểu quyết đa số. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 32. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên:

1. Kiểm soát viên bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Kiểm soát viên bị Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Điều 33. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên:

1. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên cho các cơ quan chức năng và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ ngày thực hiện bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.

2. Công ty phải gửi cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch Bản cung cấp thông tin của Người nội bộ mới theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Cuộc họp của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

CHƯƠNG VI

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 35. Tiêu chuẩn và điều kiện của Người điều hành Công ty:

1. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2, Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- b. Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù theo quy định của pháp luật;
- c. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Người điều hành khác: Phù hợp với các quy định của pháp luật và quy định về tiêu chuẩn CB.CNV do Công ty ban hành.

Điều 36. Tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng giám đốc:

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc. Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động với nhân sự dự kiến làm Tổng giám đốc và quyết định tiền lương, thưởng của Tổng giám đốc theo hai (02) phương án là: dựa vào hệ thống thang bảng lương theo quy định hiện hành của Nhà nước hoặc căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty.

Tiền lương của Ban điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động hoặc căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Người được tuyển chọn làm Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Hội đồng quản trị có quyền miễn nhiệm hoặc thay thế Tổng giám đốc trước thời hạn (khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành) trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu hoặc kế hoạch kinh doanh do Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông thông qua.

b. Không trung thực trong thực thi các quyền hạn hoặc lạm dụng chức vụ để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.

c. Tự nguyện xin từ chức hoặc khi có quyết định điều chuyển, nghỉ hưu hoặc được bố trí công việc khác.

d. Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc không đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

e. Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc các trường hợp bị miễn nhiệm do Điều lệ quy định.

Điều 37. Tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng:

1. Công ty có các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay thế, cách chức, khen thưởng, kỷ luật.

2. Phó Tổng giám đốc giúp Tổng giám đốc trong việc điều hành Công ty; thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn do Tổng giám đốc giao phù hợp với Điều lệ Công ty; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Việc ủy quyền có liên quan đến ký kết hợp đồng đều phải thực hiện bằng văn bản.

3. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê của Công ty; giúp Tổng giám đốc giám sát, quản lý tài chính tại Công ty theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc, trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền.

4. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng được bổ nhiệm với thời hạn tối đa là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại.

5. Chế độ lương, phụ cấp trách nhiệm, tiền thưởng và các lợi ích khác của Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng thực hiện theo quy định của pháp luật và quy chế trả lương của Công ty.

Điều 38. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành Công ty:

1. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành Công ty cho các cơ quan chức năng và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ ngày thực hiện bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành Công ty.

2. Công ty phải gửi cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch Bản cung cấp thông tin của Người nội bộ mới theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VII

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 39. Cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc:

1. Tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên hội đồng quản trị và có thể mời thành viên Ban Tổng giám đốc tham dự để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thành viên Ban Tổng giám đốc, Kiểm soát viên được mời tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết.
2. Tại các cuộc họp Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc tham dự để trả lời các vấn đề cần được làm rõ và/hoặc thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc được mời tham dự cuộc họp Ban kiểm soát có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết.
3. Tại các cuộc họp Ban Tổng giám đốc, Tổng giám đốc có thể mời thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tham dự để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được mời tham dự cuộc họp Ban Tổng giám đốc có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết.
4. Thông báo mời họp phải được gửi chậm nhất là 05 (năm) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Điều 40. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

1. Tổng giám đốc có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát triển 50% vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Ngoài các trách nhiệm nêu tại khoản 1, Điều này, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:
 - a. Các giao dịch giữa Công ty với công ty mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
 - b. Các giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc cổ đông lớn.
3. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ được giao.
4. Khi phát sinh những vấn đề ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty, Tổng giám đốc cần báo cáo với Hội đồng quản trị để được chỉ đạo xử lý kịp thời.
5. Tổng giám đốc có quyền không thi hành hoặc bảo lưu ý kiến của mình đối với các nghị quyết của Hội đồng quản trị trái quy định của pháp luật, vi phạm Điều lệ và báo cáo với

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát bằng văn bản để xử lý kịp thời. Hội đồng quản trị có quyền đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành quyết định Tổng giám đốc trái quy định của pháp luật, vi phạm Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu các thành viên Ban Tổng giám đốc và những người điều hành Công ty khác báo cáo về việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ được giao.

7. Trong trường hợp hoạt động kinh doanh của Công ty thua lỗ hoặc kém hiệu quả trong từng thời kỳ, Tổng giám đốc phải báo cáo và có kế hoạch khắc phục trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

Điều 41. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

1. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty hoặc các nội dung khác thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc gửi đề xuất cho Hội đồng quản trị ít nhất 07 (bảy) ngày trước ngày biện pháp hoặc nội dung đó cần được phê duyệt.

2. Trong trường hợp cần thiết Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Ban Tổng giám đốc, người điều hành khác của Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về hoạt động của Công ty. Ban Tổng giám đốc, người điều hành khác của Công ty phải cung cấp các thông tin, tài liệu trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin, tài liệu được cung cấp, không được sử dụng ác thông tin, tài liệu chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 42. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và thành viên Ban Tổng giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin với nhau trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho việc thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ của các thành viên phù hợp với quy định tại Điều lệ và quy định của pháp luật.

2. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ; Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện đó.

3. Trường hợp phát sinh các vấn đề khẩn cấp thuộc phạm vi trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc có thể trao đổi bằng cách gặp trực tiếp hoặc qua điện thoại, email để giải quyết vấn đề một cách kịp thời, hiệu quả.

CHƯƠNG VIII

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi:

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
 4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
 5. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan.
 - b. Đối với những giao dịch có giá trị lớn hơn ba mươi lăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.
- Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG IX

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 44: Nghĩa vụ công bố thông tin:

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho cổ đông và công chúng. Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Việc công bố thông tin được thực hiện trên Website của Công ty và các phương tiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

Điều 45: Công bố thông tin về quản trị Công ty:

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty tại các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ 06 tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Điều 46: Công bố thông tin về thu nhập của Ban Tổng giám đốc:

Tiền lương của Ban điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 47: Tổ chức công bố thông tin:

Công ty phải có ít nhất một Người phụ trách công bố thông tin. Người phụ trách công bố thông tin của Công ty có trách nhiệm sau:

- Công bố thông tin của Công ty với cổ đông và các nhà đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ.
- Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông liên hệ.

CHƯƠNG X

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 48: Quy định về đánh giá khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc:

1. Căn cứ vào nội quy của Công ty, quy định về khen thưởng và kỷ luật của Công ty và căn cứ theo kết quả đánh giá của Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Công ty, Công ty sẽ tiến hành khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho tập thể và cá nhân thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác có thành tích trong công tác điều hành, quản lý.

2. Khi phát sinh các sự việc sai phạm, vi phạm nội quy của Công ty, tùy theo mức độ vi phạm của từng cá nhân, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Công ty sẽ xem xét hình thức kỷ luật và ban hành quyết định kỷ luật.

CHƯƠNG XI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 49. Điều khoản thi hành:

1. Quy chế này gồm 11 chương, 49 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Hội đồng quản trị cùng Tổng giám đốc triển khai thực hiện, ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn cụ thể, các biểu mẫu cần thiết theo nội dung Quy chế này, cập nhật các thay đổi của pháp luật để sửa đổi, bổ sung tương ứng nội dung Quy chế này cho phù hợp với tình hình thực tế các quy định của pháp luật hiện hành. Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa quy định của Quy chế này và quy định của pháp luật tương ứng, quy định của pháp luật tương ứng sẽ được ưu tiên áp dụng.
3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
4. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Trưởng các Phòng, Ban chuyên môn, toàn thể Cán bộ công nhân viên Công ty và các đơn vị, cá nhân có liên quan đến hoạt động công bố thông tin của Công ty có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Phạm Trung Thái

Ảnh 4 x 6
(ảnh mới
nhất)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



SƠ YẾU LÝ LỊCH

(Dùng cho Người ứng cử/đề cử tham gia Hội đồng quản trị)

- Họ và tên: Trần Thị Thanh Bình
Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 25/11/1969
Nơi sinh: Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 030169001366 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 11/10/2016.
- Địa chỉ thường trú: Số 12, Ngõ 2 Lãng Yên, Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc: 0935.251.169 Email:.....
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Cử nhân Trường Đại học sư phạm - Chuyên ngành: Sư phạm Toán
- Chức vụ hiện nay tại Công ty VRG (nếu có): Không
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Công nghệ nông nghiệp Nam Sài Gòn;
 - Chủ tịch Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu TB.GROUP;
 - Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH TB.GROUP Việt Nam.
- Số CP nắm giữ: 1.537.200 CP, chiếm 5,936% vốn điều lệ VRG, trong đó:
 - + Đại diện Công ty TNHH TB.GROUP Việt Nam sở hữu: 1.537.200 CP;
 - + Cá nhân sở hữu: 0 CP.
- Các cam kết nắm giữ (nếu có):.....
- Danh sách người có liên quan của người khai:

STT	Tên cá nhân/tổ chức	Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp	Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của công ty cổ phần ... (nếu có)	Mối quan hệ
1	Phạm Trung Thái	030058004142; ngày cấp 24/09/2018, nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.	0	Chồng
2	Phạm Trung Kiên	030092000010; ngày cấp 24/9/2018, nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	0	Con trai

3	Phạm Thăng Long	001202003453; ngày cấp 11/10/2016, nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư	0	Con trai
---	-----------------	--	---	----------

14. Lợi ích liên quan đối với Công ty VRG (nếu có): Không

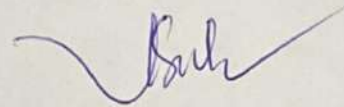
15. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty VRG (nếu có): Không

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2021

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)



Trần Thị Thanh Bình